

Số: 769/GENCO3-TC-KT
V/v Công bố thông tin báo cáo tài chính
năm 2023 sau kiểm toán.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2024

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

- Tên tổ chức: Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần
 - Mã chứng khoán: PGV
 - Địa chỉ: Số 60 - 66 đường Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
 - Điện thoại liên hệ: 028 3636 7449 Fax: 028 3636 7450
 - Loại thông tin công bố: 24h 72 Yêu cầu Bất thường Định kỳ
- Nội dung công bố thông tin: Công bố Báo cáo tài chính Riêng và Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2023 sau kiểm toán của Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần.

Thông tin này đã được công bố trên trang điện tử của Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần vào ngày 30/3/2024 tại đường dẫn: <https://www.genco3.com>, mục Quan hệ nhà đầu tư.

Chúng tôi xin cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã được công bố.

Trân trọng.

Đính kèm:

- BCTC Riêng và BCTC HN;
- Văn bản giải trình lợi nhuận.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Lãnh đạo EVNGENCO3;
- Ban KH, VP-TTBV;
- Lưu: VT, TC-KT.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thị Thanh Hương

Handwritten mark

Số: 768/GENCO3-TC-KT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2024

V/v giải trình lợi nhuận Báo cáo tài chính
năm 2023 sau kiểm toán.

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần xin giải trình kết quả sản xuất kinh doanh trên Báo cáo tài chính (BCTC) năm 2023 sau kiểm toán như sau:

I. Đối với BCTC riêng và BCTC hợp nhất (sau kiểm toán)

1. Lợi nhuận sau thuế năm 2023 so với cùng kỳ năm trước

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023 (1)	Năm 2022 (2)	Tăng/giảm (1) - (2)
Lợi nhuận sau thuế BCTC Riêng	1.225.147	2.177.576	(952.429)
Lợi nhuận sau thuế BCTC Hợp nhất	1.083.723	2.520.106	(1.436.383)

Lợi nhuận sau thuế năm 2023 trên BCTC Riêng là 1.225 tỷ đồng, giảm 952 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2022, chủ yếu là do:

- + Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2023 là 4.461 tỷ đồng, giảm 826 tỷ đồng chủ yếu do sản lượng điện bán của Tổng Công ty năm 2023 thấp hơn 2,10 tỷ kWh so với cùng kỳ năm 2022.
- + Doanh thu hoạt động tài chính là 834 tỷ đồng, tăng 324 tỷ đồng so với cùng kỳ; chi phí tài chính là 3.324 tỷ đồng, tăng 781 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2022 chủ yếu là do: (i) tăng cổ tức nhận được từ các công ty cổ phần là 337 tỷ đồng, (ii) giảm lỗ chênh lệch tỷ giá 93 tỷ đồng (Năm 2023: lỗ 827 tỷ đồng; Năm 2022: lỗ 920 tỷ đồng), (iii) tăng chi phí lãi vay 890 tỷ đồng.
- + Lợi nhuận trước thuế năm 2023 là 1.379 tỷ đồng, giảm 1.285 tỷ đồng, tương ứng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2023 giảm 333 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2022.

Lợi nhuận sau thuế năm 2023 trên BCTC Hợp nhất là 1.084 tỷ đồng, giảm 1.436 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2022, chủ yếu là do:

+ Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2023 là 4.518 tỷ đồng, giảm 864 tỷ đồng, chủ yếu là do sản lượng điện bán thấp hơn so với cùng kỳ năm 2022.

+ Doanh thu hoạt động tài chính là 339 tỷ đồng, tăng 16 tỷ đồng so với cùng kỳ; chi phí tài chính là 3.332 tỷ đồng, tăng 790 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2022 chủ yếu là do: (i) giảm lỗ chênh lệch tỷ giá 87 tỷ đồng (*Năm 2023: lỗ 821 tỷ đồng; Năm 2022: lỗ 908 tỷ đồng*), (ii) tăng chi phí lãi vay là 891 tỷ đồng.

+ Lợi nhuận trong công ty liên kết là 376 tỷ đồng, giảm 138 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2022.

+ Lợi nhuận trước thuế năm 2023 là 1.240 tỷ đồng, giảm 1.780 tỷ đồng, tương ứng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2023 giảm 343 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2022.

2. Lợi nhuận sau thuế Năm 2023 trước và sau kiểm toán

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023 (sau kiểm toán)	Năm 2023 (trước kiểm toán)	Chênh lệch	
	(1)	(2)	(3) = (1) - (2)	4=(3)/(2)
Lợi nhuận sau thuế BCTC Riêng	1.225.147	1.488.089	(262.942)	(17,7%)
Lợi nhuận sau thuế BCTC Hợp nhất	1.083.723	1.347.455	(263.732)	(19,6%)

Lợi nhuận sau thuế năm 2023 trên BCTC Riêng (sau kiểm toán) là 1.225 tỷ đồng, giảm 263 tỷ đồng tương đương giảm 17,7% so với lợi nhuận sau thuế đã công bố trên báo cáo tài chính Riêng quý 4/2023 (trước kiểm toán). Nguyên nhân chủ yếu là do khi lập báo cáo tài chính quý 4/2023 (trước kiểm toán), Tổng Công ty đã điều chỉnh chi phí khấu hao của một số tài sản cố định thuộc Nhà máy điện Vĩnh Tân 2 theo kiến nghị của KTNN về kiểm toán quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023, số tiền là 275 tỷ đồng.

Trong Báo cáo tài chính năm 2023 sau kiểm toán, Tổng Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố chi phí khấu hao nêu trên, do đó lợi nhuận trước thuế giảm tương ứng 275 tỷ đồng.

Lợi nhuận sau thuế năm 2023 trên BCTC Hợp nhất (sau kiểm toán) là 1.084 tỷ đồng, giảm 264 tỷ đồng, tương đương giảm 19,6% so với lợi nhuận đã công bố trên báo cáo tài chính Hợp nhất quý 4/2023 (trước kiểm toán) do nguyên nhân tương tự như lợi nhuận trên BCTC Riêng.

II. Đối với BCTC của các công ty con

Tổng Công ty Phát điện 3 có 2 công ty con bao gồm Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa và Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình. Các Công ty đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán (BTP niêm yết trên HoSE và NBP niêm yết trên HNX) và đã thực hiện công bố thông tin theo quy định.

III. Điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính

Căn cứ theo quy định của chuẩn mực số 29 Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót, Tổng Công ty đã điều chỉnh hồi tố vào Báo cáo tài chính năm 2023 sau kiểm toán như sau:

- Trên cơ sở kiến nghị của Kiểm toán nhà nước về kiểm toán quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần của Công ty mẹ - Tổng Công ty Phát điện 3, Tổng Công ty đã điều chỉnh hồi tố một số khoản mục trên báo cáo tài chính. Trong đó, một số kiến nghị điều chỉnh trọng yếu như sau:

- + Các điều chỉnh có liên quan đến việc thay đổi thời gian khấu hao của tài sản cố định hữu hình là Tua bin tại Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân từ 15 năm lên 20 năm;
- + Các điều chỉnh theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ công trình cơ sở hạ tầng dùng chung cho Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 và Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 mở rộng số 01/2023/EVN-GENCO3-CSHT VT4&4MR với EVN.

- Đồng thời, để đảm bảo nguyên tắc nhất quán, căn cứ về sự thay đổi giá dịch vụ chi phí vận hành và bảo dưỡng trong hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01 Hợp đồng cung cấp dịch vụ Công trình CSHT cho NMNĐ BOT Vĩnh Tân 1 giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Tổng Công ty Phát điện 3, Tổng Công ty đã điều chỉnh doanh thu và chi phí tương ứng.

(Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2022 trước và sau khi điều chỉnh hồi tố như phụ lục đính kèm).

Tổng Công ty Phát điện 3 kính báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở
Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh.

Trân trọng.

Đính kèm:

- Phụ lục.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Ban Lãnh đạo EVNGENCO3;

- Ban KH;

- Lưu: VT, TC-KT.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thị Thanh Hương

Handwritten mark

BẢNG CHI TIẾT SO SÁNH SỐ LIỆU NĂM 2022 TRƯỚC VÀ SAU ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ

A. Báo cáo tài chính Riêng

1. Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022

Chi Tiêu	Mã số	Báo cáo Riêng		
		31/12/2022 (trước điều chỉnh)	Điều chỉnh	31/12/2022 (sau điều chỉnh)
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	11.169.606.409.289	- 394.153.954.901	10.775.452.454.388
Tài sản cố định hữu hình	221	39.714.282.736.022	476.439.193.866	40.190.721.929.888
- Nguyên giá	222	111.316.568.700.336	1.185.409.411	111.317.754.109.747
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	- 71.602.285.964.314	475.253.784.455	- 71.127.032.179.859
Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.807.101.203.105	5.139.317.526	4.812.240.520.631
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	380.126.457.321	618.347.637	380.744.804.958
Phải trả ngắn hạn khác	319	1.559.958.693.761	141.137.446.158	1.701.096.139.919
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	327.394.385.914	- 18.587.375.875	308.807.010.039
Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế các năm trước	421a	1.607.560.371.134	- 16.312.407.931	1.591.247.963.203
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b	1.589.378.988.873	- 29.710.088.550	1.559.668.900.323

2. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022

Chi tiêu	Mã số	Báo cáo Riêng		
		Năm 2022 (trước điều chỉnh)	Điều chỉnh	Năm 2022 (sau điều chỉnh)
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1	45.841.867.285.777	-97.656.722.367	45.744.210.563.410
Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	11	40.517.948.968.353	-60.519.111.680	40.457.429.856.673
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	493.869.660.141	-7.427.522.137	486.442.138.004
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	2.207.286.414.173	-29.710.088.550	2.177.576.325.623

3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2022

Chi tiêu	Mã số	Báo cáo Riêng		
		Năm 2022 (trước điều chỉnh)	Điều chỉnh	Năm 2022 (sau điều chỉnh)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1	2.701.156.074.314	-37.137.610.687	2.664.018.463.627
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	8	4.468.322.254.954	-60.519.111.680	4.407.803.143.274
Tăng các khoản phải thu	9	-10.797.226.980.198	97.656.722.367	-10.699.570.257.831

B. Báo cáo tài chính Hợp nhất**1. Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022**

Chỉ Tiêu	Mã số	Báo cáo Hợp nhất		
		31/12/2022 (trước điều chỉnh)	Chênh lệch	31/12/2022 (sau điều chỉnh)
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	11.710.481.578.712	-394.153.954.901	11.316.327.623.811
Tài sản cố định hữu hình	221	40.107.624.331.926	476.439.193.866	40.584.063.525.792
- Nguyên giá	222	114.631.289.946.787	1.185.409.411	114.632.475.356.198
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	-74.523.665.614.861	475.253.784.455	-74.048.411.830.406
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.045.551.157.760	5.139.317.526	5.050.690.475.286
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	382.009.061.403	618.347.637	382.627.409.040
Phải trả ngắn hạn khác	319	1.585.152.242.768	141.137.446.158	1.726.289.688.926
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	334.914.842.561	-18.587.375.875	316.327.466.686
Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế các năm trước	421a	2.739.041.723.588	-16.312.407.932	2.722.729.315.656
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b	1.906.472.047.941	-29.710.088.550	1.876.761.959.391

2. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022

Chỉ tiêu	Mã số	Báo cáo Hợp nhất		
		Năm 2022 (trước điều chỉnh)	Điều chỉnh	Năm 2022 (sau điều chỉnh)
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1	47.287.247.983.691	-97.656.722.367	47.189.591.261.324
Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	10	41.868.485.643.133	-60.519.111.680	41.807.966.531.453
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20	507.534.849.403	-7.427.522.137	500.107.327.266
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	30	2.549.816.412.465	-29.710.088.550	2.520.106.323.915

3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2022

Chỉ tiêu	Mã số	Báo cáo Hợp nhất		
		Năm 2022 (trước điều chỉnh)	Điều chỉnh	Năm 2022 (sau điều chỉnh)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1	3.057.351.261.868	-37.137.610.687	3.020.213.651.181
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	8	4.530.091.410.486	-60.519.111.680	4.469.572.298.806
Tăng các khoản phải thu	9	- 9.585.911.047.900	97.656.722.367	-9.488.254.325.533